

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 368/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 18-4-2019

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hương

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thanh Hải
2. Ông Nguyễn Xuân Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trúc Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 190/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Tiến K – sinh năm 1970 (Có mặt)

Địa chỉ: 157 đường V, phường G, quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim T - sinh năm 1983 (Có mặt)

Địa chỉ: Đình S – số 842 đường Q, Phường E, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 26/02/2019 và trong quá trình tham gia tố tụng, Nguyên đơn ông Lê Tiến K trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị Kim T tự nguyện chung sống với nhau năm 2007, đến năm 2008 mới đăng ký kết hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số: 22/P08; Quyền số: 01/2008 do UBND phường E, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/02/2008). Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung

được 1 năm thì ly thân, hiện nay bà T cũng đã có cuộc sống riêng, nên ông yêu cầu ly hôn với bà T.

Về con chung: Có 1 con chung là Lê Hoàng Thiên P – sinh ngày 13/9/2008. Sau khi ly hôn ông giao con chung cho bà T nuôi dưỡng, hàng tháng ông cấp dưỡng 3.000.000đ. Ông không có điều kiện cấp dưỡng nuôi con 1 lần hoặc 1 năm 1 lần cho đến khi con thành niên như yêu cầu của bà T.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Bị đơn – bà Nguyễn Thị Kim T trình bày: Bà và ông K chung sống với nhau năm 2007, đến ngày 26/02/2008 mới đăng ký kết hôn. Khi bà đang có bầu thì ông K quen người khác bên ngoài, giận chồng nên từ khi con chung 1 tháng tuổi đến nay bà ôm con bỏ về nhà cha mẹ để sinh sống, từ đó vợ chồng ly thân. Khi đưa con về nhà mẹ đẻ sống ông K cũng sang năn nỉ bà quay về đoàn tụ nhưng bà không chấp nhận, ly thân 1 năm ông K về thăm con 1-2 lần, đưa cho bà 1-2 triệu để phụ nuôi con, con bệnh cũng không về. Nếu ông K đồng ý cấp dưỡng con mỗi tháng 3 triệu, cấp dưỡng 1 lần hoặc cấp dưỡng 1 năm một lần cho đến khi con đủ 18 tuổi thì bà đồng ý ly hôn. Nếu ông K không đồng ý thì bà không đồng ý ly hôn, vợ chồng về sống lại với nhau.

Về con chung: Có 1 con chung là Lê Hoàng Thiên P – sinh ngày 13/9/2008, hiện tại cháu P đang ở với bà. Bà đồng ý với mức cấp dưỡng 3.000.000đ/tháng, bà yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con 1 lần hoặc cấp dưỡng 1 năm 1 lần cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn – ông K trình bày: Quá trình chung sống do bà T rượu chè, cờ bạc gây nợ nần, ông trả nợ thay rất nhiều lần, đã khuyên nhủ rất nhiều nhưng không được nên từ đầu năm 2009 đến nay vợ chồng đã ly thân, nay tình cảm không còn nên ông yêu cầu được ly hôn. Ông giao con chung cho bà T nuôi dưỡng, hàng tháng ông cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đ, tài sản chung, nợ chung không có.

Bị đơn – bà T trình bày: Ông K muốn ly hôn là do có người khác nếu ông K cấp dưỡng nuôi con 1 năm 1 lần, mỗi tháng 3 triệu thì bà đồng ý ly hôn. Tài sản chung, nợ chung không có.

Quá trình hỏi tại phiên tòa bà T có ý kiến nếu ông K cấp dưỡng từ tháng 4/2019, mỗi tháng 3.000.000đ, cuối năm 2019 ông K đưa 1 lần thì bà đồng ý ly

hôn. Ông K đồng ý ngày 18/12 hàng năm sẽ thực hiện cấp dưỡng 1 năm 1 lần cho cháu P, cấp dưỡng từ tháng 4/2019 cho đến khi cháu P thành niên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã làm đúng quy định của pháp luật, xét xử đúng hạn luật định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật, người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày, thỏa thuận của đương sự tại phiên tòa. Đề nghị Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Ông K khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà T do bà T có nơi cư trú tại quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thì thẩm quyền giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông K thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về việc tham gia phiên tòa của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình: Trong vụ án này, Tòa án có thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn – ông K, Bị đơn – bà T có mặt.

[4] Về hôn nhân:

Xét yêu cầu ly hôn của ông K, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ bản chính Giấy chứng nhận kết hôn số: 22/P08; Quyền số: 01/2008 do UBND phường E, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/02/2008 thì hôn nhân của ông K và bà T là hợp pháp theo Điều 8, Điều 9 của Luật Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Theo ông K quá trình chung sống không hạnh phúc, từ đầu năm 2009 đến nay đã ly thân, hiện bà T cũng có cuộc sống riêng. Bà T cho rằng khi có bầu, ông K quen người khác bà giận nên từ năm 2008 đến nay vợ chồng đã ly thân, nếu ông K cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3 triệu, cấp dưỡng 1 năm một lần cho đến khi con đủ 18 tuổi thì bà đồng ý ly hôn.

Xét thấy, tình cảm giữa ông K, bà T không còn thể hiện bằng việc nếu ông K chấp nhận cấp dưỡng nuôi con 1 năm 1 lần thì bà T đồng ý ly hôn. Ông K, bà T đã ly thân từ năm 2008 đến nay, không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông K, ông K được ly hôn bà T.

[5] Về con chung, cấp dưỡng nuôi con:

Xét yêu cầu giao con chung cho bà T nuôi dưỡng, từ tháng 4/2019 cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đ/tháng, thực hiện cấp dưỡng 1 năm 1 lần vào ngày 18 tháng 12 hàng năm cho đến khi cháu P thành niên của ông K, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ lời thừa nhận của đôi bên đương sự và bản sao Giấy khai sinh số 428; Quyền số: 04 do UBND phường G, quận H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16/9/2008 thì cháu Lê Hoàng Thiên P – sinh ngày 13/9/2008 là con chung của ông K và bà T.

Tại phiên tòa, ông K, bà T đã thỏa thuận được về người trực tiếp nuôi con, số tiền cấp dưỡng, thời gian cấp dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy, thỏa thuận này của bà T, ông K là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của cháu P là được ở với mẹ do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông K. Giao cháu P cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, hàng tháng ông K cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đ, thực hiện từ tháng 4/2019 cho đến khi cháu P thành niên, việc cấp dưỡng được thực hiện một năm một lần vào ngày 18 tháng 12 hàng năm.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Ông K, bà T khai nhận không có nên Hội đồng xét xử không có gì phải xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Căn cứ điểm a Khoản 5; điểm a Khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, ông K phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con định kỳ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 227; Khoản 1 Điều 273; Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 8,9, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ vào điểm a Khoản 5; điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn - ông Lê Tiến K.

a. Về hôn nhân: Ông Lê Tiến K được ly hôn bà Nguyễn Thị Kim T.

b. Về con chung: Giao cháu Lê Hoàng Thiên P – sinh ngày 13/9/2008 cho bà Nguyễn Thị Kim T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi thành niên. Ông Lê Tiến K có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Lê Hoàng Thiên P 3.000.000đ/tháng (Ba triệu đồng), thực hiện từ tháng 4/2019 cho đến khi cháu Lê Hoàng Thiên P thành niên. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Lê Hoàng Thiên P của ông Lê Tiến K được thực hiện một năm một lần vào ngày 18 tháng 12 hàng năm.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình 2014 Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

c. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

2/ Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do ông Lê Tiến K chịu, được căn trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí ông Lê Tiến K đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0037969 ngày 26/02/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Lê Tiến K còn phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con định kỳ.

3/ Kể từ ngày có Đơn yêu cầu thi hành án của bà Nguyễn Thị Kim T đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con cho đến khi thi hành án xong, ông Lê Tiến K còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định

tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

5/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

6/ Về quyền kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Mai Hương